

BỘ Y TẾ

**HƯỚNG DẪN
QUY TRÌNH KỸ THUẬT
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
CHUYÊN NGÀNH UNG BƯỚU**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3338/QĐ-BYT
ngày 09 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

**NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC
HÀ NỘI - 2015**

Hà Nội, ngày 09 tháng 9 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Hướng dẫn Quy trình kỹ thuật
khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành Ung bướu**

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31/8/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Xét Biên bản họp của Hội đồng nghiệm thu Hướng dẫn Quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành Ung bướu Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 279 Hướng dẫn Quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành Ung bướu.

Điều 2. Các Hướng dẫn Quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành Ung bướu này áp dụng cho tất cả các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và ban hành.

Điều 4. Các Ông, Bà: Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh, Chánh thanh tra Bộ; các Vụ trưởng, Cục trưởng các Vụ, Cục của Bộ Y tế; Giám đốc các Bệnh viện, Viện có giường trực thuộc Bộ Y tế, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Thủ trưởng Y tế các Bộ, ngành và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, KCB.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

Đã ký

Nguyễn Thị Xuyên

LỜI NÓI ĐẦU

Bộ Y tế đã xây dựng và ban hành Hướng dẫn Quy trình kỹ thuật bệnh viện tập I (năm 1999), tập II (năm 2000) và tập III (năm 2005), các quy trình kỹ thuật đó là quy chuẩn về quy trình thực hiện các kỹ thuật trong khám, chữa bệnh.

Tuy nhiên, trong những năm gần đây khoa học công nghệ trên thế giới phát triển rất mạnh, trong đó có các kỹ thuật công nghệ phục vụ cho ngành y tế trong việc khám bệnh, điều trị, theo dõi và chăm sóc người bệnh. Nhiều kỹ thuật, phương pháp trong khám bệnh, chữa bệnh đã được cải tiến, phát minh, nhiều quy trình kỹ thuật chuyên môn trong khám bệnh, chữa bệnh đã có những thay đổi về mặt nhận thức cũng như về mặt kỹ thuật.

Nhằm cập nhật, bổ sung và chuẩn hóa các tiến bộ mới về số lượng và chất lượng kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh, Bộ trưởng Bộ Y tế đã thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Hướng dẫn quy trình kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh do Lãnh đạo Bộ Y tế làm Trưởng ban. Trên cơ sở đó Bộ Y tế có các Quyết định thành lập các Hội đồng biên soạn Hướng dẫn Quy trình kỹ thuật trong khám, chữa bệnh theo các chuyên khoa, chuyên ngành mà Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc các Bệnh viện chuyên khoa, đa khoa hoặc các chuyên gia hàng đầu của Việt Nam. Các Hội đồng phân công các Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Bác sĩ chuyên khoa theo chuyên khoa sâu biên soạn các nhóm Hướng dẫn quy trình kỹ thuật. Mỗi Hướng dẫn quy trình kỹ thuật đều được tham khảo các tài liệu trong nước, nước ngoài và chia sẻ kinh nghiệm của các đồng nghiệp thuộc chuyên khoa, chuyên ngành. Việc hoàn chỉnh mỗi Hướng dẫn quy trình kỹ thuật cũng tuân theo quy trình chặt chẽ bởi các Hội đồng khoa học cấp bệnh viện và các Hội đồng nghiệm thu của chuyên khoa đó do Bộ Y tế thành lập. Mỗi Hướng dẫn quy trình kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh đảm bảo được nguyên tắc ngắn gọn, đầy đủ, khoa học và theo một thể thức thống nhất.

Hướng dẫn Quy trình kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh là tài liệu hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật, là cơ sở pháp lý để thực hiện tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong toàn quốc được phép thực hiện kỹ thuật đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Khám bệnh, chữa bệnh đồng thời cũng là cơ sở để xây dựng giá dịch vụ kỹ thuật, phân loại phẫu thuật, thủ thuật và những nội dung liên quan khác. Do số lượng danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh rất lớn mà mỗi Hướng dẫn quy trình kỹ thuật trong khám, chữa bệnh từ khi biên soạn đến khi Quyết định ban hành chứa đựng nhiều yếu tố, điều kiện nghiêm ngặt nên trong một thời gian ngắn không thể xây dựng, biên soạn và ban hành đầy đủ các Hướng dẫn quy trình kỹ thuật. Bộ Y tế sẽ Quyết định ban hành những Hướng dẫn quy trình kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh cơ bản, phổ biến theo từng chuyên khoa, chuyên ngành và tiếp tục ban hành bổ sung những quy trình kỹ thuật đối với mỗi chuyên khoa, chuyên ngành nhằm đảm bảo sự đầy đủ theo Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh.

Để giúp hoàn thành các Hướng dẫn quy trình kỹ thuật này, Bộ Y tế trân trọng cảm ơn, biểu dương và ghi nhận sự nỗ lực tổ chức, thực hiện của Lãnh đạo, Chuyên viên Cục Quản lý Khám, chữa bệnh, sự đóng góp của Lãnh đạo các Bệnh viện, các Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Bác sĩ chuyên khoa, chuyên ngành là tác giả hoặc là thành viên của các Hội đồng biên soạn, Hội đồng nghiệm thu Hướng dẫn quy trình kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh và các nhà chuyên môn đã tham gia góp ý cho tài liệu.

Trong quá trình biên tập, in ấn tài liệu khó có thể tránh được các sai sót, Bộ Y tế mong nhận được sự góp ý gửi về Cục Quản lý Khám, chữa bệnh-Bộ Y tế 138A-Giảng Võ-Ba Đình-Hà Nội./.

Thứ trưởng Bộ Y tế
Trưởng Ban chỉ đạo
PGS.TS. Nguyễn Thị Xuyên

BAN CHỈ ĐẠO

Trưởng Ban chỉ đạo:

PGS.TS. Nguyễn Thị Xuyên, Thứ trưởng Bộ Y tế

Phó Trưởng Ban chỉ đạo:

PGS.TS. Lương Ngọc Khuê, Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh

TS. Nguyễn Huy Quang, Vụ trưởng Vụ Pháp chế

Các ủy viên:

PGS.TS. Phạm Vũ Khánh, Cục trưởng Cục Y dược cổ truyền

TS. Nguyễn Hoàng Long, Nguyên Phó Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính

TS. Trần Văn Tiến, Nguyên Phó Vụ trưởng Vụ Bảo hiểm Y tế

PGS.TS. Lưu Thị Hồng, Vụ trưởng Vụ Sức khỏe Bà mẹ và Trẻ em

TS. Trần Quý Tường, Phó Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh

ThS. Nguyễn Trọng Khoa, Phó Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh

PGS.TS. Nguyễn Tiến Quyết, Giám đốc Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức

PGS.TS. Nguyễn Quốc Anh, Giám đốc Bệnh viện Bạch Mai

PGS.TS. Nguyễn Trường Sơn, Giám đốc Bệnh viện Chợ Rẫy

GS.TS. Bùi Đức Phú, Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Trung ương Huế

GS.TS. Nguyễn Thanh Liêm, Nguyên Giám đốc Bệnh viện Nhi Trung ương

GS.TS. Lê Năm, Nguyên Giám đốc Viện Bỏng Lê Hữu Trác

PGS.TS. Đinh Ngọc Sỹ, Nguyên Giám đốc Bệnh viện Phổi Trung ương

PGS.TS. Đỗ Như Hôn, Giám đốc Bệnh viện Mắt Trung ương

PGS.TS. Bùi Diệu, Giám đốc Bệnh viện K

PGS.TS. Nguyễn Viết Tiến, Nguyên Giám đốc Bệnh viện Phụ sản Trung ương

PGS.TS. Trịnh Đình Hải, Giám đốc Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương

PGS.TS. Võ Thanh Quang, Giám đốc Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương

PGS.TS. Trần Hậu Khang, Giám đốc Bệnh viện Da liễu Trung ương

GS.TS. Nguyễn Anh Trí, Giám đốc Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương

PGS.TS. Nghiêm Hữu Thành, Giám đốc Bệnh viện Châm cứu Trung ương

PGS.TS. Trần Quốc Bình, Giám đốc Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương

TS. Nguyễn Văn Tiến, Nguyên Giám đốc Bệnh viện Nội Tiết Trung ương

Tổ thư ký:

ThS. Nguyễn Đức Tiến, Trưởng phòng Nghiệp vụ Y và Dược bệnh viện, Cục Quản lý Khám, chữa bệnh.

BS. Nguyễn Ngọc Khang, Phó trưởng phòng phụ trách Phòng Pháp chế Thanh tra, Cục Quản lý Khám, chữa bệnh

ThS. Lê Tuấn Đồng, Trưởng phòng Phục hồi chức năng và Giám định, Cục Quản lý Khám, chữa bệnh

ThS. Phạm Thị Kim Cúc, Chuyên viên Phòng nghiệp vụ Y và Dược bệnh viện, Cục Quản lý Khám, chữa bệnh

ThS. Trần Thị Hồng Hải, Chuyên viên Vụ Bảo hiểm y tế

BAN BIÊN TẬP

Chủ biên:

PGS.TS. Bùi Diệu, Giám đốc Bệnh viện K

Ban thư ký:

ThS. Nguyễn Đức Tiến, Trưởng phòng Nghiệp vụ Y và dược bệnh viện, Cục Quản lý Khám, chữa bệnh

ThS. Nguyễn Thị Hoài Nga, Trưởng phòng Chỉ đạo tuyến, Bệnh viện K.

ThS. Phạm Thị Kim Cúc, Chuyên viên phòng Nghiệp vụ Y và dược bệnh viện, Cục Quản lý Khám, chữa bệnh

BAN BIÊN SOẠN

Hội đồng biên soạn, Hội đồng nghiệm thu

GS.TS. Nguyễn Bá Đức, Nguyên Giám đốc Bệnh viện K, Chủ tịch Hội Ung thư Việt Nam

PGS.TS. Lương Ngọc Khuê, Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh

PGS.TS. Bùi Diệu, Giám đốc Bệnh viện K

GS.TS. Mai Trọng Khoa, Giám đốc Trung tâm y học Hạt nhân và Ung bướu, Phó giám đốc Bệnh viện Bạch Mai.

PGS.TS. Trịnh Hồng Sơn, Giám đốc Trung tâm điều phối ghép tạng quốc gia, Phó giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.

PGS.TS. Nguyễn Văn Hiếu, Phó giám đốc Bệnh viện K, Trưởng Bộ môn Ung bướu Trường Đại học Y Hà Nội

PGS.TS. Bùi Công Toàn, Phó Giám đốc Bệnh viện K, Trưởng khoa Xạ 3.

PGS.TS. Nguyễn Hữu Ước, Trưởng khoa Phẫu thuật tim mạch, Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.

BSCKII. Lê Hoàng Minh, Giám đốc Bệnh viện Ung bướu TP Hồ Chí Minh.

PGS.TS. Huỳnh Quyết Thắng, Nguyên Giám đốc Bệnh viện Ung bướu Cần Thơ

TS. Nguyễn Đình Tùng, Phó Giám đốc Trung tâm Ung bướu, Bệnh viện đa khoa Trung ương Huế

Tham gia biên soạn

PGS.TS. Bùi Diệu, Giám đốc Bệnh viện K,
PGS.TS. Nguyễn Văn Hiếu, Phó giám đốc Bệnh viện K,
PGS.TS. Trần Văn Thuận, Phó giám đốc Bệnh viện K
PGS.TS. Bùi Công Toàn, Phó giám đốc Bệnh viện K
PGS.TS. Nguyễn Đại Bình, Phó giám đốc Bệnh viện K
PGS.TS. Nguyễn Văn Tuyên, Phó giám đốc Bệnh viện K
GS.TS. Nguyễn Bá Đức, Bác sĩ cao cấp, Bệnh viện K
PGS.TS. Phạm Duy Hiển, Bác sĩ cao cấp, Bệnh viện K
PGS.TS. Tạ Văn Tờ, Trưởng khoa Giải phẫu bệnh - tế bào, Bệnh viện K
BSCKII. Nguyễn Quốc Bảo, Trưởng khoa Ngoại đầu cổ, Bệnh viện K
TS. Nguyễn Văn Định, Trưởng khoa ngoại vú, Bệnh viện K
PSG.TS. Nguyễn Tuyết Mai, Trưởng khoa Nội 1, Bệnh viện K
TS. Đỗ Anh Tú, Trưởng khoa Nội 3, Bệnh viện K
TS. Ngô Thanh Tùng, Trưởng khoa Xạ đầu cổ, Bệnh viện K
TS. Đoàn Lực, Trưởng khoa Chống đau, Bệnh viện K
TS. Trần Văn Công, Trưởng khoa Nhi, Bệnh viện K
TS. Võ Văn Xuân, Trưởng khoa Xạ 3, Bệnh viện K
TS. Đỗ Doãn Thuận, Trưởng khoa Chẩn đoán hình ảnh, Bệnh viện K
BSCKII. Phan Văn Hạnh, Trưởng khoa Nội soi thăm dò chức năng, Bệnh viện K
ThS. Tô Anh Dũng, Phó trưởng khoa Xạ vú - phụ khoa, Bệnh viện K
ThS. Đỗ Hùng Kiên, Trưởng phòng Kế hoạch tổng hợp, Bệnh viện K
ThS. Nguyễn Hoài Nga, Trưởng phòng Chỉ đạo tuyến, Bệnh viện K
ThS. Phan Lê Thắng, Trưởng khoa ngoại lồng ngực, Bệnh viện K
TS. Nguyễn Thế Trí, Trưởng khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức, Bệnh viện K
TS. Hoàng Đình Chân, Bệnh viện K
ThS.KS. Nguyễn Xuân Kử, Khoa Vật lý xạ trị, Bệnh viện K
TS. Lê Hồng Quang, Phó trưởng khoa Ngoại vú, Bệnh viện K
TS. Nguyễn Quang Thái, Phó trưởng khoa ngoại tổng hợp, Bệnh viện K
BSCKI. Nguyễn Phi Yên, Phó trưởng khoa Chống đau, Bệnh viện K
TS. Khổng Thị Hồng, Bệnh viện K
ThS. Phạm Văn Bình, Phụ trách khoa Ngoại Tân Triều, Bệnh viện K
TS. Trần Thắng, Phụ trách khoa Nội 4, Bệnh viện K
ThS. Trần Thanh Bình, Phụ trách bộ phận Y học hạt nhân, Bệnh viện K
KS. Nguyễn Văn Tình, Phụ trách khoa Vật lý xạ trị, Bệnh viện K

ThS. Nguyễn Thị Hương, Phó trưởng khoa Chẩn đoán, Bệnh viện K
ThS. Lê Trí Trinh, Phó trưởng khoa Ngoại phụ khoa, Bệnh viện K
ThS. Phan Phương Anh, Trưởng khoa Khoa Huyết học - Vi sinh, Bệnh viện K
TS. Hàn Thị Vân Thanh, Phó trưởng khoa Ngoại đầu cổ, Bệnh viện K
ThS. Nguyễn Khắc Kiểm, khoa Ngoại lồng ngực, Bệnh viện K
BSCKII. Nguyễn Văn Tuyên, khoa Xạ đầu cổ, Bệnh viện K
ThS. Trần Hùng, khoa Xạ đầu cổ, Bệnh viện K
ThS. Nguyễn Văn Lợi, khoa Ngoại lồng ngực, Bệnh viện K
ThS. Đặng Bích Liên, khoa Xạ đầu cổ, Bệnh viện K
ThS. Phạm Lâm Sơn, khoa Xạ đầu cổ, Bệnh viện K
ThS. Ngô Xuân Quý, khoa Ngoại đầu cổ, Bệnh viện K
ThS. Vũ Trung Chính, khoa Ngoại đầu cổ, Bệnh viện K
ThS. Phạm Hồng Khoa, khoa Ngoại vú, Bệnh viện K
BS. Phí Thùy Dương, khoa Chẩn đoán, Bệnh viện K
ThS. Đào Tiến Lục, khoa Ngoại tổng hợp, Bệnh viện K
ThS. Nguyễn Hoàng Minh, khoa Ngoại tổng hợp, Bệnh viện K
ThS. Trần Anh Tuấn, khoa Ngoại tổng hợp, Bệnh viện K
ThS. Bùi Long, khoa Ngoại tổng hợp, Bệnh viện K

MỤC LỤC

<i>Lời nói đầu</i>	5
Chương I. Đầu - mặt - cổ	21
Quy trình sàng lọc phát hiện sớm ung thư khoang miệng	23
Phẫu thuật lấy hạch cổ để chẩn đoán và điều trị	28
Phẫu thuật vét hạch cổ triệt căn	30
Phẫu thuật cắt u nang vùng cổ	33
Phẫu thuật vét hạch cổ chọn lọc	36
Phẫu thuật cắt lưỡi bán phần trong điều trị ung thư lưỡi	39
Phẫu thuật sử dụng vật rãnh mũi má tạo hình khuyết hồng sau cắt bỏ ung thư sàn miệng	42
Phẫu thuật cắt chậu sàn miệng trong ung thư sàn miệng	45
Xạ trị áp sát trong ung thư khoang miệng	49
Xạ trị áp sát xuất liều cao trong ung thư sàn miệng	53
Phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến mang tai bảo tồn dây thần kinh VII	56
Phẫu thuật cắt toàn bộ u tuyến nước bọt dưới hàm	59
Phẫu thuật cắt ung thư Amidan	62
Phẫu thuật cắt u nang tiền đình mũi	64
Phẫu thuật cắt bỏ u sàng hàm	66
Phẫu thuật cắt u vỏ bao dây thần kinh schwannoma vùng cổ	70
Làm mặt nạ cổ định đầu cổ	72
Xạ trị áp sát liều cao ung thư vòm họng	74
Xạ trị điều biến liều ung thư vòm họng	77
Xạ trị bệnh ung thư hạ họng	80
Xạ trị cho các khối u ngoại nhãn cầu	83
Xạ trị cho các khối u nội nhãn cầu	85
Xét nghiệm tế bào trong dịch não tủy	88
Xạ trị ngoài các ung thư não ở trẻ em	90
Xạ trị cho khối u não ác tính nguyên bào thần kinh đệm	93
Xạ trị ung thư di căn não	95
Xạ trị ung thư tuyến yên	97
Điều trị tia xạ đối với u lympho ác tính nguyên phát ở não	100

Siêu âm tuyến giáp	103
Siêu âm dẫn hướng chọc hút tế bào bằng kim nhỏ chẩn đoán tổn thương giáp trạng	106
Chụp xạ hình tuyến giáp	109
Phẫu thuật cắt u và rò của nang giáp móng (phẫu thuật SISTRUNK)	112
Phẫu thuật toàn bộ tuyến giáp trong điều trị ung thư	115
Phẫu thuật cắt một thùy tuyến giáp trạng	119
Điều trị ung thư giáp trạng thể biệt hóa sau phẫu thuật bằng I ¹³¹	123
Kỹ thuật xạ trị ung thư tuyến giáp	127
Thực hành xạ trị ung thư đầu cổ	131
Chương II. Lồng ngực, tim mạch, phổi	133
Kỹ thuật nội soi chẩn đoán ung thư đường hô hấp	135
Phẫu thuật cắt toàn bộ thanh quản	139
Thăm dò chức năng tưới máu phổi trong ung thư bằng SPECT	142
Xét nghiệm tế bào trong dịch màng phổi	145
Sinh thiết kim xuyên thành ngực dưới hướng dẫn của chụp cắt lớp điện toán	147
Sinh thiết mù xuyên thành ngực bằng kim nhỏ	151
Sinh thiết u phổi, u trung thất qua phẫu thuật nội soi lồng ngực	154
Quy trình đánh giá người bệnh trước phẫu thuật ung thư phổi	157
Gây tê khoang màng phổi giảm đau sau mổ ung thư vùng lồng ngực	161
Gây tê ngoài màng cứng phổi hợp gây mê trong mổ ung thư vùng lồng ngực	164
Thông khí trong phẫu thuật ung thư khí phế quản	169
Thông khí một phổi trong phẫu thuật ung thư vùng lồng ngực	172
Mở ngực thăm dò trong ung thư phổi	177
Phẫu thuật cắt u nang phế quản (u nang phổi)	180
Cắt một thùy phổi và màng thành ngực trong ung thư	184
Cắt một thùy phổi do ung thư	187
Phẫu thuật cắt u sụn phế quản	190
Phẫu thuật bóc kén màng phổi	193
Phẫu thuật cắt kén khí ở phổi	196
Cắt một thùy phổi kèm cắt một phân thùy phổi khác điển hình do ung thư	199
Cắt một bên phổi do ung thư	203

Cắt hai thùy phổi kèm vét hạch trung thất	206
Phẫu thuật cắt nhu mô phổi không điển hình do ung thư	209
Phẫu thuật cắt u nang trong nhu mô phổi	212
Gây dính màng phổi bằng hoá chất	216
Bơm hoá chất màng phổi	219
Chụp hình chức năng cơ tim	222
Phẫu thuật cắt u màng tim	225
Phẫu thuật nội soi lồng ngực cắt bỏ khối u trung thất	228
Phẫu thuật cắt bỏ khối u trung thất	231
Phẫu thuật bóc u thành ngực	236
Phẫu thuật cắt u xương sườn	239
Cắt mảng thành ngực trong u một hoặc nhiều xương sườn	242
Chương III. Tiêu hóa - Bụng	245
Cắt thực quản do ung thư - tạo hình thực quản bằng dạ dày- phẫu thuật LEWIS-SANTY	247
Phẫu thuật nội soi cắt thực quản do ung thư - tạo hình thực quản bằng dạ dày	251
Xạ trị ngoài ung thư thực quản	258
Nội soi chẩn đoán ung thư đường tiêu hoá trên	261
Cắt polype đường tiêu hoá trên qua nội soi ống mềm	264
Cắt bán phần dạ dày cực dưới do ung thư và vét hạch hệ thống D2	268
Cắt toàn bộ dạ dày do ung thư và vét hạch hệ thống D2	271
Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày do ung thư và vét hạch hệ thống D2	275
Cắt bán phần dạ dày cực dưới do ung thư và vét hạch hệ thống D2 bằng phẫu thuật nội soi	280
Cắt dạ dày toàn bộ do ung thư và vét hạch	284
Cắt toàn bộ dạ dày do ung thư có tạo hình bằng ruột non	287
Cắt dạ dày lại do ung thư	289
Mở thông dạ dày nuôi dưỡng	293
Nối mật-hỗng tràng do ung thư	295
Quy trình khám sàng lọc phát hiện sớm ung thư đại trực tràng	298
Nội soi chẩn đoán ung thư đại trực tràng	302
Cắt đoạn trực tràng do ung thư, cắt toàn bộ mạc treo trực tràng (TME)	306

Cắt đoạn đại tràng ngang do ung thư, vét hạch hệ thống	309
Cắt đoạn đại tràng sigma do ung thư có vét hạch hệ thống	312
Cắt toàn bộ đại tràng do ung thư kèm vét hạch hệ thống	315
Cắt nửa đại tràng phải do ung thư kèm vét hạch hệ thống	318
Cắt nửa đại tràng trái do ung thư kèm vét hạch hệ thống	321
Phẫu thuật nội soi cắt ung thư đại tràng phải	324
Phẫu thuật nội soi cắt ung thư đại tràng trái, đại tràng sigma	330
Cắt lại đại tràng do ung thư	337
Cắt polype đại trực tràng qua đường nội soi ống mềm, phối hợp kẹp clip với những polype cuống lớn.	340
Cắt cụt trực tràng đường bụng tầng sinh môn	344
Cắt trực tràng giữ lại cơ tròn	347
Cắt u trực tràng ống hậu môn đường dưới	350
Phẫu thuật nội soi cắt cụt ung thư trực tràng	352
Phẫu thuật nội soi cắt đoạn ung thư trực tràng	358
Xạ trị gia tốc đa phân liều trước phẫu thuật ung thư trực tràng	365
Phẫu thuật nội soi cắt hạ phân thùy gan	368
Phẫu thuật cắt chỏm nang gan	375
Cắt chỏm nang gan bằng nội soi	377
Cắt gan phải do ung thư	380
Cắt gan trái do ung thư	383
Phẫu thuật nội soi cắt gan lớn	386
Thắt động mạch gan điều trị ung thư gan hoặc chảy máu đường mật	392
Cắt khối tá tụy do ung thư đầu tụy	395
Cắt lách bệnh lý, ung thư, áp xe	398
Phẫu thuật các khối u sau phúc mạc	401
Phẫu thuật cắt u mạc treo (kèm theo cắt ruột non)	404
Phẫu thuật cắt u mạc treo (không cắt ruột non)	407
Chương IV. Vú - Phụ khoa - Tiết niệu - Sinh dục	409
Quy trình sàng lọc phát hiện sớm ung thư vú	411
Chụp Xquang tuyến vú	416
Chụp ống tuyến sữa cản quang	419
Chụp vú định vị kim dây dẫn hướng sinh thiết mở	421

Chụp xạ hình khối u tuyến vú với ^{99m}Tc - MIBI	423
Siêu âm tuyến vú	425
Siêu âm vú dẫn hướng sinh thiết kim	427
Sinh thiết tổn thương tuyến vú bằng súng sinh thiết	429
Sinh thiết tổn thương tuyến vú được định vị bằng kim dây	431
Sinh thiết hạch cửa bằng chỉ thị màu trong đánh giá di căn hạch nách của bệnh ung thư vú	433
Kỹ thuật cắt buồng trứng trong điều trị nội tiết ung thư vú	436
Phẫu thuật cắt buồng trứng, hai phần phụ trong điều trị ung thư vú	440
Kỹ thuật tái tạo tuyến vú sau phẫu thuật ung thư vú	442
Phẫu thuật cắt tuyến vú vết hạch nách	445
Cắt một phần tuyến vú, vết hạch nách	449
Phẫu thuật u xơ tuyến vú	545
Xạ trị ngoài ung thư vú	547
Chụp xạ hình chức năng thận	460
Chụp xạ hình hình thể thận với DMSA	464
Sinh thiết kim chẩn đoán mô bệnh học tổn thương thận dưới hướng dẫn của siêu âm	467
Sinh thiết kim chẩn đoán mô bệnh học tổn thương thận, tụy, tuyến thượng thận dưới hướng dẫn của chụp cắt lớp vi tính	469
Cắt bỏ thận ung thư có hoặc không vết hạch	472
Xạ trị u nguyên bào thận ở trẻ em (u Wilms)	476
Nội soi bàng quang	479
Phẫu thuật cắt toàn bộ bàng quang kèm tạo hình bàng quang bằng ruột trong điều trị ung thư bàng quang	482
Phẫu thuật cắt toàn bộ bàng quang kèm tạo túi chứa nước tiểu bằng một quai ruột non	485
Quy trình phẫu thuật nội soi cắt, đốt ung thư bàng quang nông kết hợp với bơm BCG nội bàng quang	488
Kỹ thuật cắt ung thư bàng quang nông qua đường nội soi đường niệu đạo	491
Phẫu thuật ung thư âm hộ âm vật	495
Cắt âm hộ đơn thuần	498
Bóc nang tuyến Bartholin	501
Phẫu thuật cắt u thành âm đạo	503

Quy trình sàng lọc phát hiện sớm ung thư cổ tử cung	507
Nhuộm Papanicolaou	512
Xét nghiệm tế bào học cổ tử cung bằng kỹ thuật THIN - PREP	514
Khoét chóp cổ tử cung	516
Phẫu thuật Wertheim Meigs điều trị ung thư cổ tử cung	518
Cắt cổ tử cung còn lại trên người bệnh đã mổ cắt tử cung bán phần	522
Rửa âm đạo, cổ tử cung trước xạ trị	526
Xạ trị áp sát điều trị ung thư cổ tử cung	529
Cắt tử cung toàn bộ và vét hạch chậu hai bên	532
Nạo buồng tử cung	535
Phẫu thuật ung thư buồng trứng	537
Phẫu thuật lấy u trong dây chằng rộng	540
Phẫu thuật lấy u đáy chậu và u tiểu khung	543
Phẫu thuật ung thư dương vật vét hạch bẹn hai bên	545
Xạ trị ung thư dương vật	549
Cắt cả hai tinh hoàn điều trị ung thư tiền liệt tuyến	552
Phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến tiền liệt, túi tinh và bàng quang	554
Xạ trị ung thư tiền liệt tuyến	557
Phẫu thuật cắt toàn bộ bộ phận sinh dục ngoài của nam giới do ung thư	560
Phẫu thuật cắt toàn bộ bộ phận sinh dục ngoài của nam giới do ung thư và vét hạch bẹn hai bên	562
Chương V. Da - Phần mềm - Xương - Khớp	565
Định vị trường chiếu xạ trên da người bệnh	567
Xạ trị triệt căn ung thư da vùng đầu cổ (loại ung thư biểu mô tế bào vảy và ung thư biểu mô tế bào đáy)	569
Xạ trị hỗ trợ ung thư da vùng đầu cổ (loại ung thư biểu mô tế bào vảy và ung thư biểu mô tế bào đáy)	572
Phẫu thuật cắt cụt cánh tay (trong điều trị ung thư)	574
Tháo khớp nửa bàn chân trước do ung thư	577
Tháo khớp cổ chân do ung thư	579
Chương VI. Cận lâm sàng	581
Siêu âm hạch nách	583
Siêu âm chẩn đoán hạch bệnh lý ngoại vi	585

Sinh thiết kim chẩn đoán mô bệnh học hạch bệnh lý ngoại vi dưới hướng dẫn của siêu âm	587
Sinh thiết kim chẩn đoán mô bệnh học các tổn thương u - hạch ổ bụng không thuộc tạng dưới hướng dẫn của siêu âm	589
Sinh thiết kim chẩn đoán mô bệnh học các tổn thương u - hạch khoang sau phúc mạc dưới hướng dẫn của chụp cắt lớp vi tính	592
Một số kỹ thuật xét nghiệm chỉ điểm khối u	595
Định lượng PRO-GRP (Pro-Gastrin Releasing Peptid)	598
Định lượng CA 72-4 (Cancer antigen 72-4)	600
Định lượng CA 19-9 (Carbohydrate antigen 19-9)	602
Định lượng CYFRA 21-1 (Cytokeratin fragment)	604
Định lượng HE4 (Human Epididymal Protein)	606
Định lượng Tg (Thyroglobulin)	609
Định lượng FREE PSA (Free Prostate-Specific Antigen)	612
Định nhóm máu hệ ABO, RhD bằng phương pháp Gelcard	615
Phát máu bằng phương pháp Gelcard	619
Sinh thiết tủy xương	623
Xét nghiệm tế bào học	627
Sinh thiết và cố định bệnh phẩm	631
Kỹ thuật mô học thường quy nhuộm Hematoxylin và Eosin (HE)	633
Sinh thiết tức thì (Sinh thiết cắt lạnh)	638
Kỹ thuật nhuộm PAS (Phản ứng acid Periodic-schiff)	640
Kỹ thuật xét nghiệm hoá mô miễn dịch	642
Nhuộm SISH (Ventana)	644
Xét nghiệm Fish	646
Xét nghiệm xác định đột biến Gen EGFR và K-RAS bằng giải trình tự chuỗi DNA trên khối paraffin	649
Đo, chuẩn liều chùm Electron (điện tử) dùng trong xạ trị	651
Đo, chuẩn liều trong kỹ thuật điều biến chùm tia với hệ Collimator độc lập (JO-JAW ONLY)	653
Đo, chuẩn liều trong kỹ thuật điều biến chùm tia với hệ Collimator đa lá - MLC (Multi Leaf Collimator)	655
Lập kế hoạch xạ trị áp sát bằng máy mô phỏng	657
Chuẩn liều hấp thụ trong môi trường tương đương mô cơ thể	659

Đồ khuôn đúc chì che chắn, bảo vệ các cơ quan quan trọng trong trường chiếu xạ	661
Lập kế hoạch xạ ngoài bằng máy mô phỏng	663
Lập kế hoạch xạ trị bằng máy vi tính (TPS)	665
Chụp xạ hình xương	667
Chụp xạ hình u mao mạch gan với hồng cầu gắn ^{99m}Tc	671
Chụp xạ hình khối u với ^{99m}Tc gắn MIBI	674
Chuẩn hệ thống máy đo liều dùng trong xạ trị	678
Đo, chuẩn liều các nguồn dùng trong xạ trị áp sát	680
Đo liều In vivo (kiểm tra chất lượng xạ trị ung thư)	682
Kiểm chuẩn, nghiệm thu kỹ thuật hệ thống máy gia tốc xạ trị	684
Kiểm soát và đảm bảo chất lượng, xạ trị ung thư	688
Đo liều tương đối	692
Đo liều tuyệt đối	694
Đo, chuẩn liều vật lý hệ thống máy gia tốc sau lắp đặt (Commissioning)	696
Đo, chuẩn liều các chùm Photon (Tia - X) năng lượng 6 MV	700
Đo, chuẩn liều các chùm Photon (Tia - X) năng lượng 15 MV hoặc lớn hơn	702
Đo, chuẩn liều chùm tia Gamma nguồn Cobalt – 60 dùng trong máy xạ trị ngoài.	704
Ứng dụng buồng ion hoá phẳng, song song đo liều chùm electron từ máy gia tốc xạ trị	706
Ứng dụng buồng ion hoá hình trụ đo liều chùm electron (điện tử) từ máy gia tốc xạ trị	708
Kiểm tra chéo (Audit check) trong tính phân bố liều xạ trị ngoài.	710
Kiểm soát liều chiếu xạ với nhân viên xạ trị, chẩn đoán hình ảnh và y học hạt nhân.	712
Chương VII. Xạ trị (Phần tổng hợp)	715
Xạ trị bằng máy gia tốc	717
Xạ trị áp sát liều thấp	720
Xạ trị áp sát liều cao	723
Xạ trị Cobalt -60	726
Xạ trị ngoài giảm đau do di căn xương	729
Xạ trị nông bằng tia X	731
Xạ trị u lympho ác tính ở trẻ em	733

Xạ trị trường chiếu rộng điều trị u lympho ác tính	736
Xạ phẫu	739
U lympho ác tính	742
Chương VIII. Điều trị nội khoa và chăm sóc giảm nhẹ (Phần tổng hợp)	745
Tiêm hóa chất nội tủy sống	747
Truyền hoá chất tĩnh mạch trung tâm qua buồng tiêm	750
Truyền hoá chất nhanh (Bolus)	753
Điều trị hoá chất bằng đường uống	755
Xử trí cho người bệnh bị phản ứng khi tiêm truyền thuốc hoá chất	758
Chăm sóc và điều trị cho người bệnh có nôn và buồn nôn do hoá trị	762
Chăm sóc và điều trị cho người bệnh viêm niêm mạc họng miệng do hoá trị	766
Phòng và xử trí biến chứng thoát mạch trong khi hoá trị	769
Điều trị hoá chất và xạ trị đồng thời	772
Truyền hoá chất tĩnh mạch ngoại vi	774
Truyền hoá chất tĩnh mạch trung tâm qua catheter	777
Bơm truyền hoá chất liên tục (12 - 24 giờ) với máy infuso Mate - P	780
Chăm sóc và điều trị cho người bệnh hóa trị có kèm theo bệnh lý tim mạch	783
Chăm sóc và điều trị cho người bệnh hóa trị có kèm theo bệnh lý về gan	785
Điều trị hoá chất cho những người bệnh có kèm theo bệnh lý về thận	788
Điều trị hoá chất cho người bệnh có virus HIV	791
Điều trị hoá chất cho người bệnh cao tuổi	795
Chăm sóc và điều trị cho người bệnh hóa trị có hạ bạch cầu	799
Chăm sóc và điều trị cho người bệnh có biến chứng hạ tiểu cầu do hoá trị	802
Chăm sóc và điều trị cho người bệnh có biến chứng tiêu chảy do hoá trị	805
Chăm sóc và điều trị cho người bệnh bị táo bón do hoá trị	808
Chẩn đoán và điều trị hội chứng ly giải u do hóa trị	810
Điều trị hoá chất liều cao và kết hợp với truyền tế bào gốc dị gen	813
Chăm sóc và điều trị cho người bệnh giảm sự ngon miệng do hoá trị	818
Chăm sóc và điều trị cho người bệnh có độc tính thần kinh ngoại vi do hóa trị	821
Chăm sóc và điều trị cho người bệnh có độc tính trên da do hoá trị	824
Truyền hoá chất động mạch	827

Tiêm truyền hoá chất vào màng bụng điều trị ung thư buồng trứng	830
Điều trị hóa chất liều cao kết hợp với truyền tế bào gốc tự thân	833
Phẫu thuật đặt buồng tiêm truyền dưới da	837
Kỹ thuật đặt buồng tiêm truyền ngoài da	842
Kỹ thuật gây tê ngoài màng cứng giảm đau sau mổ ung thư	846
Kỹ thuật chăm sóc người bệnh ung thư giai đoạn cuối (cận tử)	850
Đánh giá toàn trạng người bệnh ung thư	852
Điều trị giảm đau bằng thuốc	856
Đánh giá đau	858
Sử dụng Morphin tiêm dưới da bằng bơm tiêm điện	861
Sử dụng Morphin cho người bệnh khó thở	864
Cấp cứu ngộ độc Morphine	867
Sử dụng Morphin đường uống	869
Sử dụng miếng dán Fentanyl	872
Cấp cứu tắc ruột nội khoa ở người bệnh ung thư giai đoạn cuối	875
Cấp cứu người bệnh di căn xương cột sống có chèn ép tủy sống	878